

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2020
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Ngọc Minh Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp “*tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết M – sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T – sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H1, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, do quen biết, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 23/10/2017.

Sau ngày cưới, chị và anh T sống riêng tư tại ấp H1, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Chị M có khuyên nhưng anh T không thay đổi để hàn gắn nên vợ chồng dần không còn tình cảm. Chị và anh T ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị M và anh T không có con chung nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Đoàn Văn T:*

- Ngày 20/5/2020 niêm yết thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn anh Đoàn Văn T đúng 08 giờ 00 phút ngày 08/6/2020 có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm nhưng anh T vắng mặt không lý do.

- Ngày 09/6/2020 niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn anh Đoàn Văn T đúng 08 giờ 00 phút ngày 29/6/2020 có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm nhưng anh T vắng mặt không lý do.

Anh T được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử .

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Đoàn Văn Tiếng.

- Về con chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị M phải nộp án phí 300.000 đồng về hôn nhân và gia đình.

** Các tài liệu, chứng cứ của vụ án bao gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Đoàn Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy, anh Đoàn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau do quen biết, được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 23/10/2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị M trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ nên chị và anh T thường xuyên cự cãi nhau. Chị có nhiều lần khuyên anh T nhưng anh không thay đổi. Chị M và anh T ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình. Thực tế, giữa chị M và anh T không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Chị M xác định từ khi chị và anh T ly thân, anh chị không còn liên lạc hỏi thăm. Qua đó cho thấy, hôn nhân giữa chị M và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: chị M trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp án phí theo luật định.

[7] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 51, 53; 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo biên lai thu số N⁰0008103 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

